TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST
Ngày: 20-8-2020
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Thanh Hoàng;
Bà Nguyễn Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: ông Phạm Hoàng Phong.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1969, nơi cư trú: tổ 12, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Đặng Thị A, sinh năm 1982, nơi cư trú: tổ 12, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 3 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày*: Ngày 04 tháng 9 năm 2008 bà có cho bà Đặng Thị A mượn 05 chỉ vàng 24 kara, khi đó hẹn 02 tháng sau sẽ trả nhưng đến hạn bà A không thực hiện. Đến ngày 04/11/2011 sự việc được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã A giữa bà và bà A thống nhất tính giá trị 05 chỉ vàng 24 kara bằng tiền tương đương là

20.400.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi tháng 100.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Theo đó bà A trả góp số tiền được 7.400.000 đồng, nhưng khoảng 02 năm nay bà A ngưng không góp nữa, còn nợ lại là 13.000.000 đồng. Bà yêu cầu bà A trả ngay số tiền nợ này và không yêu cầu tính lãi suất.

- *Ý kiến của bị đơn bà Đặng Thị A trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau*: Thừa nhận còn nợ bà H tiền vay 13.000.000 đồng như bà H trình bày. Do hiện nay hoàn cảnh khó khăn, xin trả dần mỗi tháng trả 300.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Xuất phát từ ngày 04/9/2008 giữa bà H có xác lập thỏa thuận cho bà A vay mượn 05 chỉ vàng 24kara, tuy nhiên đến ngày 04/11/2011 khi hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã A thì bà H và bà A có thống nhất tính giá trị 05 chỉ vàng 24kara bằng tiền tương đương là 20.400.000 đồng, nên có cơ sở xác định việc vay mượn tiền này từ ngày 04/11/2011 là phù hợp với quy định pháp luật dân sự tại thời điểm. Tại phiên tòa, hai bên thống nhất số tiền vay còn nợ 13.000.000 đồng, chỉ tranh chấp phương thức thanh toán và nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất. Như vậy, trong quá trình thực hiện thỏa thuận thì bà A không trả góp từ 02 năm nay, đã vi phạm nghĩa vụ nên có trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền này là có căn cứ.

Đề nghị Hồi đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên ý kiến;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã A, huyện T, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng giao dịch này giữa bà H với bà A là sự thỏa thuận để thực hiện giao dịch dân sự, hình thức vay bằng tiền. Giao dịch này phù hợp theo quy định điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản.

[2] Về nội dung:

Xét về giao dịch thấy rằng: Ngày 04 tháng 9 năm 2008 giữa bà H và bà A có sự thỏa thuận vay mượn, theo đó bà H có cho bà A vay mượn 05 chỉ vàng 24kara, thời hạn vay là 02 tháng nhưng không lập biên nhận. Do bà A không thực hiện như thỏa thuận, nên ngày 04/11/2011 sự việc tranh chấp được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã An Phú giữa bà H và bà A thống nhất tính 05 chỉ vàng 24 kara thiếu tương đương bằng tiền là 20.400.000 đồng. Như vậy giữa bà H và bà A đã có sự thống nhất về việc thay đổi từ vay bằng vàng sang hình thức vay bằng tiền, việc thỏa thuận này phù hợp với pháp luật tại thời điểm thỏa thuận được quy định tại khoản 2 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005: *"Trong trường hợp bên vay không thể trả vật thì có thể trả bằng tiền theo trị giá của vật đã vay tại địa điểm và thời điểm trả nợ, nếu được bên cho vay đồng ý"*. Nên có cơ sở xác định việc thỏa thuận vay mượn này bằng tiền.

Từ lời khai của bị đơn là bà Đặng Thị A thừa nhận một mình bà thực hiện giao dịch với bà Phạm Thị H và còn nợ số tiền 13.000.000 đồng, là tình tiết không phải chứng minh, nó phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định bà A còn nợ tiền vay của bà H là 13.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Như vậy, tại biên bản hòa giải ngày 04/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã A theo đó bà A đã thống nhất trả nợ cho bà H mỗi tháng là 100.000 đồng cho đến khi dứt nợ, tuy nhiên từ khoảng 02 năm nay thì bà không thực hiện là đã vi phạm nghĩa vụ. Do đó, bà H yêu cầu bà A trả ngay số tiền vay 13.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi là phù hợp với quy định.

Theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà A có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ vay 13.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 bộ luật dân sự năm 2015 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với bà Đặng Thị A.

- Buộc bà Đặng Thị A có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị H số tiền vay vốn: 13.000.000 đồng *(mười ba triệu đồng)*.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị A phải chịu 650.000 đồng *(sáu trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí.

Bà Phạm Thị H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 325.000 đồng *(ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng)* đã nộp theo phiếu thu số TU/2016/0009376 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- THA DS h. Tịnh Biên;
- Lưu HS & VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Mỹ